



1. Kết cấu văn bản

Kết cấu của bản này gồm: Tờ bìa ghi tên Pháp Bảo Đàn kinh, hai bên ghi câu đối:

□□□□□□□□ □□□□□□□□ Tổ ấn trùng quang bình bình liên phương tục diễm

□□□□□□□□ □□□□□□□□ Thiên tông ích chấn miên miên đàm hiện chiêu chương

Tờ 2 khắc hình ảnh □□□ □□□ đệ Lục Tổ Pháp Đạt

Bài Tựa □□□□□□□□ trùng san Pháp Bảo Đàn kinh (3 tờ)

Bài tựa do Quốc tứ Linh Quang Nguyệt Đường tự Thiên tông phụng thị trai tăng chính pháp sự Chánh Tông Hòa thượng Như Nguyệt chứng san soạn tựa.

Phiên dịch quốc ngữ do: Tổ sư huyền cơ Thiên giác Pháp tự Minh Châu Hương Hải Thiên sư.

Ngự chế Lục Tổ Đàn kinh pháp bảo tựa (4 tờ) Nội dung bài tựa như sau:

Chính phái Tào Khê là Thiên sư Đại Giám được Ngũ tổ chân truyền tâm ấn, chính là căn bản của thiên tông vậy.

Kính nghĩ: Bậc nhục thân Bồ tát, mới xuất hiện nơi đời để hóa độ quần sinh. Mở rộng phương tiện thật là xiển dương giáo pháp đốn ngộ. Một đời thuyết pháp, kết tập thành Pháp bảo đàn kinh, tự mình đặt tên, tạo nên mười phẩm. Đó là: Từ phẩm tựa thứ nhất; phẩm Bát nhã thứ hai, phẩm Quyết nghi thứ ba, phẩm Định

tuệ thứ tư, phẩm Diệu hạnh thứ năm, phẩm Sám hối thứ sáu, phẩm Cơ duyên thứ bảy, phẩm Đốn tiệm thứ tám, phẩm Hộ pháp thứ chín, phẩm Phó chúc thứ mười.

Xét thấy: Đại pháp sắp hưng thịnh, ắt có nguyên do dẫn đến. Như thẳng đường có đầu mối, nhập thất có chỗ đến, cho nên đặt làm phẩm thứ nhất vậy. Đã được đầu mối đó, ắt thâm nhập được sự huyền áo. Huyền chỉ Bát nhã chỉ dẫn vào chỗ thâm áo, cho nên lấy Bát nhã làm phẩm thứ hai. Tính đức vốn đủ không khuyết, chỉ phân ra mê ngộ khác đường, trung đạo khó đến, chẳng bằng lựa chọn, nhằm lẫn sẽ rơi vào đường tà, cho nên kế tiếp lấy Quyết nghi làm phẩm thứ ba. Lòng nghi đã đoạn, tự tính tròn sáng, động tĩnh đều quân bình, chỉ quán cũng vận hành, cho nên kế tiếp lấy Định tuệ làm phẩm thứ tư. Định tuệ đã quân bình, sự lý được viên dung, động tĩnh chẳng đổi thay, mới là đại định, cho nên kế tiếp lấy Diệu hạnh làm phẩm thứ năm. Trong chứa diệu hạnh, lý chướng chưa trừ, nghiệp chướng nhiều đời hiện ra, sự chướng khó bỏ. Hai chướng hiện tiền, quả vị khó mà chứng được. Cho nên kế tiếp lấy Sám hối làm phẩm thứ sáu. Nhờ sám hối thâm nhập thật tướng, đạt tới tính không. Tính không tròn sáng, ngay đó giải thoát. Người được giải thoát mới gọi là Vị Tăng chân chính. Cho nên kế tiếp lấy Cơ duyên làm phẩm thứ bảy. Cơ duyên ngẫu nhiên hội ngộ, hoàn toàn nhờ vào căn cơ đời trước. Căn cơ có lợi căn, độn căn, cho nên ngộ đạo có dễ có khó. Cho nên kế tiếp lấy Đốn tiệm làm phẩm thứ tám. Đốn tiệm đã phân rõ, đường tu là ở chính mình, công phu chẳng dễ, hoàng đạo ở người. Dựa vào vua quan làm ngoại hộ Phật pháp. Cho nên lấy Hộ pháp làm phẩm thứ chín. Được người trợ pháp, giao phó cho bậc pháp khí, nối đều tiếp sáng, tiếng thơm lưu truyền muôn thuở. Cho nên lấy Phó chúc là phẩm kết thúc vậy.

Lại thấy: Kinh có phần tựa, giống như lưới có mép lưới, tựa như áo có cổ vậy. Nắm được cương lĩnh thì điều mục theo đó là tỏ bày. Muốn biết rõ nội dung trong kinh, trước xem xét kỹ phần tựa. Bởi đó là diệu chỉ của kinh này vậy.

Trước sau truyền đến nước Nam ta, chưa có phiên dịch ra quốc ngữ. Nay Tổ sư là Huyền Cơ Thiện giác, pháp tự Minh Châu Hương Hải, thiền sư tập hợp thiền đồ, cùng các Thiện tri thức phiên dịch ra quốc ngữ để an bang, hội Uy âm mà khắc ván. Cho nên nói: Dòng thiền Tào Khê mãi mãi nối truyền bởi hai chi Thạch Đầu và Mã Tổ, mà sinh ra năm phái, vun trồng sinh ra ngàn nhánh tranh tươi, nảy ra ức lá ngát hương. Hưng thịnh phồn vinh, chẳng thể chép hết.



Hải Dương tỉnh, Bình Giang phủ, Cẩm Giang huyện, Đan Trường xã, An Lăng tự Trung Yển Võ tam thôn; Phúc Quang tự trụ trì tăng tử khâu tự Sinh Nhẫn, san cúng dường nhất quyển.

Thử tỉnh huyện An Xá xã, Kim Giáp thôn, Hoa Vân tự Sa Di tự Chiếu Hoan, tự Thông Tổ cúng tứ bản.

Bắc Ninh tỉnh, Thuận An phủ, Gia Lâm huyện, Phú Thụy xã, Đại Dương tự tử khâu ni hiệu Diệu Hy, đệ tử Tâm Thanh ni cung tam bản; tín lão Nguyễn Thị Tuyên hiệu Diệu Lạc, Võ Thị Hậu hiệu Diệu Liên nhị nhân tam bản, Nguyễn Thị Cẩm hiệu Diệu Hoàn nhất bản. Nguyễn Thị Long hiệu Diệu Hà bán bản, Nguyễn Thị Tường hiệu Diệu Vân nhất bản, Nguyễn Thị Đĩnh hiệu Diệu Ý nhất bản. Nguyễn Thị Thuần hiệu Diệu Thác nhất bản; Nguyễn Thị Toả cúng bán bản; Nguyễn Thị Đoài hiệu Thiện Toàn nhất bản; Nguyễn Thị Thâm bán bản; Nguyễn Thị Huy nhị bản; Nguyễn Thị Chanh nhị bản; Nguyễn Thị Lý nhất bản; Nguyễn Muôn hiệu Diệu Thái nhất bản; Nguyễn Thị Đà hiệu Diệu Chính nhất bản; Nguyễn Thị Mùi hiệu Diệu nhất bản; Nguyễn Thị Dương hiệu Diệu Niên bán bản; Trần Thị Đông hiệu Trúc bán bản; Nguyễn Sâm hiệu Diệu Huệ bán bản; Nguyễn Thị Thạnh hiệu Thiện Luân bán bản; Nguyễn Thị Dục Nguyễn Thị Đoài nhị nhân nhất bản; Nguyễn Thị Linh nhất bản; Nguyễn Thị Thảng nhị tiết; Nguyễn Thị Con bán bản; Nguyễn Thị Ảnh bán bản; Nguyễn Thị Đọc Dương bán bản; Nguyễn Thị Nhất bán bản; Nguyễn Thị Tư nhất bản; Nguyễn Thị [...] hiệu Diệu Thể nhất bản; Nguyễn Thị Thị hiệu Diệu Thành nhất bản; Nguyễn Thị Trạch bán bản.

Lương Tài huyện, Xuân Quuyến xã Thanh Quang tử khâu tự Tịch Tình hộ san bảo cai tam quyển; tín lão cung hiệu Diệu Vinh, hiệu Diệu Dương, hiệu Diệu Chính, hiệu Diệu Minh, hiệu Diệu Đắc, hiệu Diệu Cẩn, Thanh Lâm, Đồng Khê xã hiệu Diệu Trình, hiệu Diệu Thuyết, hiệu Diệu Cẩn, hiệu Diệu Hà, hiệu Diệu Túc, hiệu Diệu Thịnh, hiệu Diệu Trường, hiệu Diệu Trang, hiệu Diệu Lợi, hiệu Diệu Ban, hiệu Diệu Vinh, hiệu Diệu Thanh, An Lạc xã hiệu Diệu Hợp, hiệu Diệu Đức, hiệu Diệu Tường, hiệu Diệu Độ, hiệu Diệu Như, hiệu Diệu Thanh, hiệu Diệu Đăng, hiệu Diệu Dung, hiệu Diệu Túc, hiệu Diệu Thịnh, hiệu Diệu Bảo, hiệu Diệu Toàn Vạn Niên thôn hiệu Diệu Phương, hiệu Diệu Thái, hiệu Diệu Mẫn, hiệu Diệu Quyển.

Phổ nguyện pháp bảo hữu tình cộng hưởng đồng sinh An Lạc quốc.

Nguyễn Thị Sư hiệu Diệu Tịnh nhất bản, Trần Thị Biểu hiệu Diệu Trực nhất bản, Nguyễn Thị Thụ bán bản, Nguyễn Thị Tham nhị bản, Nguyễn Thị Thuật bán bản, Nguyễn Thị Đoài nhất bản.

Trung Hiêu, thụy Duệ Mẫn, Nguyễn Quý Thị Đoan, thụy Thúc hiệu Từ Ân, Nguyễn Công tự Thế Chiêu hiệu Tài Chí, Nguyễn Quý Công tự Diệu Thiện, Lê Công tự Đình Quán hiệu Trung Cẩn, kính tiến lương phu Nguyễn Thế Ba tự Thuần Hậu, ngoại tiên linh Lê Công tự Hiệu Phúc Tịnh, Nguyễn Trí Nho tự Phổ Quang, Nguyễn Thị Hằng hiệu Từ Đức đẳng hồn.

Nhất đàn na cung:

Thị Trà xã tín lão Nguyễn Thủy hiệu diệu Trí, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Khuông, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Tài, mỗi nhân cúng nhất bản.

Yên Lăng xã, Mạc Thị Chư hiệu Đức, Nguyễn Thị Đài hiệu Diệu Hậu, Kiều Xuân (Sơn Nam tỉnh Thường Tín phủ, Thượng Phúc huyện, Chương Dương xã, Đỗ Hữu Nhưng thê đồng gia đẳng cúng nhị bản)

Thu tự Đức Đoan, Nguyễn Thị Bình hiệu Thiện Duyên, mỗi nhân nhất bản

Đào thôn tín lão Lê Thị Dần, Nguyễn Tần hiệu Diệu Tấn, Lê Thị Cảnh hiệu Diệu Tĩnh

Nguyễn Thị Chất các nhất bản thập phương tín cúng đẳng.

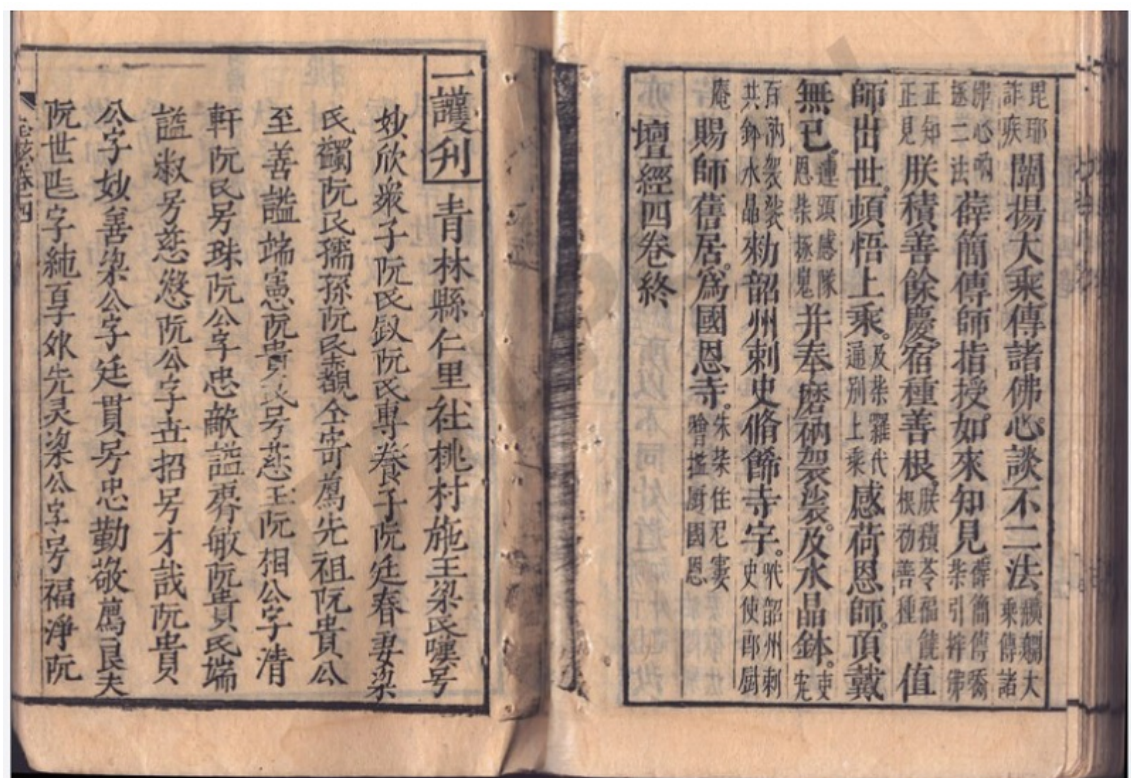
Hồi hướng kệ vãn:

Túc duyên hạnh ngộ thế gia nhân,

San khắc Bảo Đàn báo Phật ân.

Phổ nguyện nhất đoàn công đức cộng,

Đồng sinh Cực Lạc toạ kim thân.



9. Quyển 5: 19 (tờ) + các cá nhân hỗ trợ khắc kinh và 8 trang phương danh:

□□□□ : □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ ,

□□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ ;

□□□□□□□□ .

Thiên đồ trợ công: Phúc Thắng, Hải Nghĩa, Hải Trung, Hải Nhuyễn, Hải Xạ, Hải Đan, Hải Tuấn, Hải Phan, Hải Minh, Hải Danh, Hải Trúc, Hải Tri, Hải Tuấn, Hải Đế, Hải Bích, Hải Nam, Quý Nhu, Hải Toàn. Vĩnh Lại Văn hội Vũ Như Thản vâng chép.

2. Kết cấu nội dung và hình thức dịch sang chữ Nôm

Văn bản ngoài phần bài Tựa, chính văn được chia làm 5 quyển. Cụ thể gồm:

□□□□ : □□□□□□ Quyển 1: Ngộ pháp truyền y đệ nhất

□□□□ : □□□□□□ Quyển 2: Thích công đức tịnh độ đệ nhị

□□□□□□ : Định tuệ nhất thể đệ tam □□□□□□ : Giáo thụ tọa thiền đệ tứ

□□□□□□ : Truyền hương sám hối đệ ngũ □□□□□□ : Quyển 3:

Tham thỉnh cơ duyên đệ lục

□□□□ : □□□□□□ : Quyển 4: Nam đồn bắc tiệm đệ thất

Dưới đây là cách phiên dịch của Thiền sư Minh Châu Hương Hải, chỉ xin dẫn một số đoạn trong quyển 1.



Để thuận tiện cho việc theo dõi, chúng tôi đã tách từng câu chữ Hán và chữ Nôm để đối chiếu. Trong văn bản gốc, cứ một câu chữ Hán thì tác giả dùng một câu chữ Nôm để giải. Nguyên văn chữ Hán thì khắc chữ lớn, phần giải thì khắc chữ nhỏ.

STT	Nguyên văn câu chữ Hán	Phiên âm Hán Việt	Dịch sang chữ Nôm	Dịch sang tiếng Việt
1.	時大師至寶林	Thời Đại sư chí Bảo Lâm	欺意六祖典寶林	Khi ấy Lục tổ đến Bảo Lâm
2.	韶州韋刺史名□	Thiệu Châu Vĩ Thứ sử danh Cừ	坦韶官刺史戶韋名	đất Thiệu Châu quan Thứ sử họ Vĩ danh Cừ
3.	與官僚人氏	dữ quan liêu nhân thị	共伴官貝戶尋	cùng bạn quan với họ người
4.	請師出於城中	thỉnh sư xuất ư thành trung	請柴囉徹勸城	thỉnh thầy ra chung trong thành
5.	大梵寺講堂	Đại Phạn tự giảng đường.	厨大梵茹講堂	chùa Đại Phạn nhà giảng đường.

6.	爲衆開緣說，摩訶般若波羅密法	Vì chúng khai duyên thuyết, Ma ha Bát nhã Ba la mật pháp.	爲衆開緣說法，摩訶般若波羅密	Vì chúng mở duyên thuyết pháp Ma ha Bát nhã Ba la mật.
7.	師升坐次	Sư thăng tọa thứ	師蓮座□	Sư lên tòa ngồi,
8.	刺史官僚三十餘人	Thứ sử quan liêu tam thập dư nhân	伴官刺史欣巴迺尋	bạn quan Thứ sử hơn ba mươi người
9.	儒宗學士三十餘人	Nho tông học sĩ tam thập dư nhân,	學路茹儒欣巴迺尋	học trò nhà Nho hơn ba mươi người
10.	僧尼道俗一千餘人 thiên dư nhân,	tăng ni đạo tục nhất	仕妮出家在家欣蔑 蔚尋	sãi vãi xuất gia tại gia hơn một nghìn người
11.	同時作禮願聞法要	đồng thời tác lễ nguyện văn pháp yếu.	欺意共搥禮嘆喧 法 冉	khi ấy cùng làm lễ xin nghe pháp nhiệm

3. Tạm kết

Pháp Bảo Đàn kinh giải của Hương Hải Thiền sư, là một tác phẩm điển Nôm có giá trị về nhiều mặt. Qua khảo sát văn bản tại chùa Đồng Đắc có thể thấy đây là một bản dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm theo thể văn xuôi.

Nghiên cứu, dịch thuật văn bản này góp phần làm sáng tỏ công lao của Thiền sư Minh Châu Hương Hải đối với Phật giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, hệ thống chữ Nôm trong văn bản mà tác giả sử dụng thời bấy giờ còn góp phần làm phong phú cho việc nghiên cứu tiếng Việt.

Đối với việc sử dụng bộ kinh để tu tập nghiên cứu thông qua việc đọc chữ Nôm còn làm tăng khả năng hiểu văn bản Hán, giúp người đọc có thể đối chiếu qua lại giữa hai ngôn ngữ. Trong các nghiên cứu sắp tới, chúng tôi sẽ có sự so sánh đối chiếu các bản Pháp Bảo Đàn kinh khác nhau còn lưu tại một số chùa, nhằm đánh giá đầy đủ giá trị của văn bản, sự dụng công của tác giả khi dịch các đoạn chữ Hán sang chữ Nôm.

Tác giả: **Thích Di Kiên** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 11/2025

Tài liệu tham khảo:

Pháp Bảo Đàn kinh, bản chữ Hán-Nôm, lưu tại chùa Đồng Đắc, Ninh Bình.